TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày: 07/01/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hiếu.

2. Ông Khưu Hán Quang.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Đức Vũ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST-DS ngày 01/3/2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-DS ngày 24/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/QĐST-DS ngày 15/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1983 - Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 103/2020/UQ-CNQ4 ngày 05/6/2020).

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Việt Hoàn M, sinh năm 1981;

Địa chỉ: đường T, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà M vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2020 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Trọng H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/11/2017, bà Phạm Việt Hoàn M có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt là "Ngân hàng") Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 18.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng (lãi trong hạn), lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 194.550.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày khởi kiện, bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 177.350.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Phạm Việt Hoàn M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 31/3/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 07/01/2022, bà M còn nợ Ngân hàng số tiền là 47.765.002 đồng, trong đó, nợ gốc là 21.076.504 đồng, lãi quá hạn là 26.688.498 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả ngay cho Ngân hàng số tiền 47.765.002 đồng. Bà M còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/01/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn trên số nợ gốc theo thỏa thuận giữa bà M và Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Nguyễn Trọng H làm đại diện xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Việt Hoàn M phải thanh toán ngay số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 07/01/2022 là 47.765.002 đồng, trong đó, nợ gốc là 21.076.504 đồng, lãi quá hạn là 26.688.498 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 08/01/2022 cho đến khi bà M thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/11/2017, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Bị đơn bà Phạm Việt Hoàn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn, chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ tạm tính đến ngày 07/01/2022 gồm: nợ gốc: 18.262.218 đồng. Tiền lãi quá hạn: chấp nhận một phần yêu cầu về tiền lãi quá hạn được tính trên số nợ gốc 18.262.218 đồng.

Không chấp nhận phần yêu cầu về số tiền nợ gốc là 2.814.286 đồng và không chấp nhận yêu cầu về tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền 2.814.286 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Phạm Việt Hoàn M trả số tiền còn nợ. Theo Kết quả xác minh của Công an Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thì đương sự Phạm Việt Hoàn M, sinh năm 1981 có hộ khẩu thường trú tại đường T, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, không thực tế cư trú tại địa phương. Tạm trú tại đường A, Phường 9, Quận Tân Bình từ tháng 01/2020.

Theo Kết quả xác minh của Công an Phường 9, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì tại địa chỉ đường A, Phường 9, Quận Tân Bình không có người tên Phạm Việt Hoàn M tạm trú.

Theo Kết quả xác minh của Công an phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Phạm Việt Hoàn M, sinh năm 1981 không có đăng ký tạm trú và thực tế không cư ngụ tại địa chỉ đường , khu phố 4, phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện không xác định được địa chỉ nơi cư trú của bà Phạm Việt Hoàn M.

Nguyên đơn Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà Phạm Việt Hoàn M theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản là số: đường T, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay bà M không có mặt tại địa phương mà không thông báo cho nguyên đơn Ngân hàng biết về nơi cư trú, nơi làm việc mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung là đảm bảo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Nguyễn Trọng H làm đại diện có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn bà Phạm Việt Hoàn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành

xét xử vắng mặt bị đơn. Bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng bà M vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, bà M đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

3.1 Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc chốt đến ngày 30/4/2019 là 21.076.504 đồng:

Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ, lời khai của nguyên đơn cung cấp và bản sao kê ngày 07/01/2022 đã thể hiện bà Phạm Việt Hoàn M đã thực hiện các giao dịch sử dụng thẻ do nguyên đơn cung cấp, trong quá trình giao dịch bà M đã sử dụng số tiền giao dịch 194.550.000 đồng. Bà M thanh toán được số tiền là 177.350.000 đồng, bảng sao kê thể hiện ngày cuối cùng bà M thanh toán cho ngân hàng là ngày 30/11/2018. Số tiền nợ gốc mà bị đơn còn nợ xác định là 18.262.218 đồng.

Việc nguyên đơn để 04 tháng (từ ngày 31/12/2018 đến ngày 30/4/2019) kể từ khi bị đơn không thanh toán được nợ mới tiến hành chấm dứt hợp đồng và chuyển nợ quá hạn là không có căn cứ. Không được quy định trong Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tại Điều 23 của Bản điều khoản quy định về vi phạm phương thức thanh toán như sau: "*Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ Thẻ cho đến kỳ phát hành Thông Báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ Thẻ phải thanh toán.*

....

Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ;

Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ".

Trong thời gian 04 tháng nêu trên nguyên đơn vẫn có quyền tính lãi phát sinh và phí theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên nguyên đơn không thể cộng dồn phí và lãi phát sinh với số tiền là 2.814.286 đồng vào nợ gốc đã chốt đến ngày 31/12/2018 là 18.262.218 đồng để chốt nợ gốc của bà M đến hết ngày 30/4/2019 với số tiền là 21.076.504 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc xác định nợ gốc bao gồm cả phí và lãi phát sinh, sau đó tính lãi quá hạn là chưa chính xác, sẽ dẫn đến việc tính lãi chồng lãi. Ngày chốt nợ gốc để chuyển sang nợ quá hạn không căn cứ vào sự thỏa thuận giữa Ngân hàng và khách hàng. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn xác định số nợ gốc mà bị đơn còn nợ nguyên đơn chốt đến ngày 31/12/2018 số tiền là 18.262.218 đồng.

Không chấp nhận số nợ gốc tính từ ngày 31/12/2018 đến ngày 30/4/2019 là 2.814.286 đồng.

3.2 Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi quá hạn tính từ ngày 30/4/2019 đến ngày 07/01/2022 là 26.688.498 đồng:

Ngày 23/11/2017, bị đơn ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng và đồng ý mức lãi suất theo Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ của Sacombank áp dụng mức lãi suất đối với thẻ tín dụng quốc tế là 2,5%/tháng, mức lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại, mức lãi suất quá hạn là 3,75%/tháng. Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất vay phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp quy định tại Khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Như vậy số nợ gốc làm căn cứ tính lãi như nhận định ở phần trên xác định đến ngày 31/12/2018 là 18.262.218 đồng.

Do ngày 30/4/2019 nguyên đơn mới chấm dứt hợp đồng và chuyển số nợ gốc sang quá hạn và thời điểm từ ngày 31/12/2018 đến ngày 31/3/2019 nguyên đơn vẫn tính lãi trong hạn 2,5%/tháng như bảng sao kê ngày 07/01/2022 là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Từ ngày 30/4/2019 đến ngày 07/01/2022 áp dụng lãi suất quá hạn tính trên số nợ gốc là 18.262.218 đồng theo mức lãi suất 3,75%/tháng. Cụ thể tiền lãi như sau:

Thời gian từ ngày 31/12/2018 đến ngày 30/4/2019 là 120 ngày;

Tiền lãi là: 18.262.218đồng x 120 ngày x 2,5%/30 = 1.826.221 đồng (1).

Thời gian từ ngày 30/4/2019 đến ngày 07/01/2022 là 981 ngày;

Tiền lãi là: 18.262.218đồng x 981 ngày x 3,75%/30 = 22.394.044 đồng (2).

Tổng số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tính từ ngày 31/12/2018 đến ngày 07/01/2022 là: 1.826.221 đồng (1) + 22.394.044 đồng (2) = 24.220.265 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Phạm Việt Hoàn M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với tổng số tiền tính đến ngày 07/01/2022 là: 42.482.483 đồng, trong đó nợ gốc là 18.262.218 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 07/01/2022 là 24.220.265 đồng. Không chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ gốc là 2.814.286 đồng và không chấp nhận yêu cầu về tiền lãi quá hạn là 2.468.233 đồng (26.688.498 - 24.220.265) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là tổ chức tín dụng có chức năng kinh doanh tiền tệ. Việc bị đơn chậm thanh toán nợ như trên gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Phạm Việt Hoàn M phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được chấp nhận trên số tiền là 42.482.483 đồng nên bị đơn – bà Phạm Việt Hoàn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.124.124 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải chịu án phí trên số tiền Tòa án không chấp nhận yêu cầu với số tiền là 3.223.261 đồng (47.765.002 – 42.482.483 đồng = 5.282.519 đồng) số tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Sau khi cấn trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 760.074 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo biên lai số AA/2019/0015674 ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền là 460.074 (Bốn trăm sáu mươi nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng).

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 22 Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ- NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu bà Phạm Việt Hoàn M trả nợ.

2. Buộc bà Phạm Việt Hoàn M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 07/01/2022 là 42.482.483 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 18.262.218 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 07/01/2022 là 24.220.265 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 08/01/2022, bà Phạm Việt Hoàn M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà M phải tiếp tục

thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trong việc yêu cầu bà Phạm Việt Hoàn M thanh toán tiền nợ gốc là 2.814.286 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.468.233 đồng.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Việt Hoàn M phải chịu án phí là 2.124.124 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi bốn nghìn một trăm hai mươi bốn đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Sau khi cấn trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 760.074 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo biên lai số AA/2019/0015674 ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được hoàn lại số tiền là 460.074 đồng (Bốn trăm sáu mươi nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng).

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 07 tháng 01 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khưu Hán Quang;

2. Ông Đặng Hiếu.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 21/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng Hiếu, sinh năm 1983 - Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 103/2020/UQ-CNQ4 ngày 05/6/2020).

2. Bị đơn: Bà Phạm Việt Hoàn M, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 19 đường Tôn Thất Hiệp, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu bà Phạm Việt Hoàn M trả nợ.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Buộc bà Phạm Việt Hoàn M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 07/01/2022 là 42.482.483 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 18.262.218 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 07/01/2022 là 24.220.265 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 08/01/2022, bà Phạm Việt Hoàn M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều

chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trong việc yêu cầu bà Phạm Việt Hoàn M thanh toán tiền nợ gốc là 2.814.286 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.468.233 đồng.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Việt Hoàn M phải chịu án phí là 2.124.124 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi bốn nghìn một trăm hai mươi bốn đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Sau khi cấn trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 760.074 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo biên lai số AA/2019/0015674 ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được hoàn lại số tiền là 460.074 đồng (Bốn trăm sáu mươi nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng).

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 01 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phúc